TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 13 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên họp: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2026/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân"*, theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:* Chị Thị C, sinh ngày 05-02-1990; CCCD số X do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28-6-2021; địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang D; chức vụ: Phó Chủ tịch – *Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

2. Anh Điểu T, sinh ngày 20-4-1984; CCCD số Y do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-7-2024; địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 12-3-2026 và quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình, người yêu cầu chị Thị C trình bày:

Chị và anh Điểu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ,

tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005. Trong trích lục kết hôn thể hiện chị sinh năm 1986, nhưng giấy khai sinh và căn cước công dân thể hiện chị sinh ngày 05-02-1990. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị 15 tuổi 03 tháng 14 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chị yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cũ*) và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Điểu T kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị Thị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Điểu T: Anh và chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005. Trong trích lục kết hôn thể hiện chị C sinh năm 1986, nhưng giấy khai sinh và căn cước công dân thể hiện chị C sinh ngày 05-02-1990. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị C 15 tuổi 03 tháng 14 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Nay anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị C về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cũ*) và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị C kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung việc hôn nhân và gia đình, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình đã đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 366, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị C và anh Điểu T kể từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn.

Về lệ phí: Chị Thị C phải nộp lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Thị C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ pháp luật là "*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1, khoản 11 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.2]. Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của chị Thị C, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thể hiện:

Chị C và anh T đăng ký kết hôn ngày 19-5-2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng*). Tại trích lục kết hôn và Sổ đăng kết kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng cung cấp thể hiện chị C sinh năm 1986, tuy nhiên, theo căn cước công dân, giấy khai sinh và Sổ hộ khẩu của chị C thể hiện chị C sinh ngày 05-02-1990. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (*ngày 19-5-2005*), chị C mới 15 tuổi 03 tháng 14 ngày nên việc kết hôn giữa chị C và anh T không đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại thời điểm chị C yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T thì chị C và anh T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, anh chị vẫn chung sống hòa thuận, đã có con chung và cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C về việc công nhận quan hệ hôn nhân của chị C và anh T kể từ ngày chị C đủ 18 tuổi (*tức ngày 06-02-2008*).

[2.2]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Chị Thị C phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị C đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*). Áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, khoản 2 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị Thị C:

1.1. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị C và anh Điểu T kể từ ngày 06-02-2008.

1.2. Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm cải chính hộ tịch trong Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 19-5-2005 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cũ*) theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Chị Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà chị Thị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 26-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; trả lại cho chị Thị C số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, VP.



THẨM PHÁN

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang